

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Lê Văn Nga	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Nga	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Số: 344/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2015 từ trang 3 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thị Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		118.568.903.560	86.379.151.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.065.477.429	51.514.322.793
1. Tiền	111		14.065.477.429	8.364.852.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	43.149.470.685
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		610.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		610.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.436.920.891	33.007.156.833
1. Phải thu khách hàng	131		74.930.970.625	25.746.351.620
2. Trả trước cho người bán	132		924.330.272	737.649.600
3. Các khoản phải thu khác	135	6	19.574.771.608	8.360.241.061
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.993.151.614)	(1.837.085.448)
IV. Hàng tồn kho	140	7	3.339.009.008	1.347.621.401
1. Hàng tồn kho	141		3.339.009.008	1.347.621.401
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.117.496.232	510.050.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.609.292.077	376.982.253
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.409.463.655	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		98.740.500	133.068.123
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		411.390.044.120	387.326.616.627
I. Tài sản cố định	220		409.090.762.235	386.316.351.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	406.950.127.993	386.231.186.766
- Nguyên giá	222		540.070.784.836	490.668.827.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.120.656.843)	(104.437.641.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	49.999.995
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.989.714)	(261.989.719)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.140.634.242	35.164.242
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.299.281.885	1.010.265.624
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.299.281.885	1.010.265.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		529.958.947.680	473.705.768.030

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		102.546.296.318	62.762.552.995
I. Nợ ngắn hạn	310		102.546.296.318	62.762.552.995
1. Phải trả người bán	312		45.302.332.456	21.486.602.247
2. Người mua trả tiền trước	313		652.571.985	5.325.929.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	285.093.678	1.640.431.204
4. Phải trả người lao động	315		16.478.265.682	3.022.240.603
5. Chi phí phải trả	316		14.920.635.297	688.091.696
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	22.323.703.865	26.830.508.880
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.583.693.355	3.768.748.453
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		427.412.651.362	410.943.215.035
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	427.412.651.362	410.943.215.035
1. Vốn cổ phần	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.171.641.621	2.780.464.227
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		573.227.654	173.779.067
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.667.782.087	7.988.971.741
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		529.958.947.680	473.705.768.030

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ (Đô la Mỹ)

31/12/201431/12/20136.435,656.446,59Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểuNguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởngLê Văn Ngà
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		2014	2013
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		504.213.958.437	202.969.901.542
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	504.213.958.437	202.969.901.542
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	466.390.663.189	183.431.180.599
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.823.295.248	19.538.720.943
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.607.652.259	2.308.818.224
6. Chi phí tài chính	22		448.187.510	507.650
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.074.863.268	14.199.929.592
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)	30		17.907.896.729	7.647.101.925
9. Thu nhập khác	31		7.682.810	1.210.318.000
10. Chi phí khác	32		-	2.276.918
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.682.810	1.208.041.082
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		17.915.579.539	8.855.143.007
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	247.797.451	866.171.266
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		17.667.782.088	7.988.971.741
15. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	20	442	200


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởngLê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	17.915.579.539	8.855.143.007
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.531.792.839	26.179.113.066
Các khoản dự phòng	03	156.066.166	339.814.778
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.144.039)	(1.245)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.606.508.220)	(2.308.816.979)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	44.995.786.285	33.065.252.627
Thay đổi các khoản phải thu	09	(62.960.966.257)	(22.682.984.566)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.991.387.607)	(146.908.277)
Thay đổi các khoản phải trả	11	36.368.101.607	13.783.813.961
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.521.326.085)	(810.856.297)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(879.657.141)	(101.447.241)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.113.177.901)	(2.674.007.809)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	5.897.372.901	22.996.862.398
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(44.343.870.524)	(6.811.502.591)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(610.000.000)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.606.508.220	2.308.816.979
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(43.347.362.304)	(4.502.685.612)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(37.449.989.403)	18.494.176.786
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.514.322.793	33.020.144.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.144.039	1.245
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	14.065.477.429	51.514.322.793


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 8.372.110.104 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.208.553.600 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng




Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 447 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 319 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trữ ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

202-
4H
Y
JUH
TE
M
CX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ và phí tên miền cho website của Công ty. Các khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

1. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương ứng làm để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	174.375.621	693.176.866
Tiền gửi ngân hàng	13.891.101.808	7.671.675.242
Các khoản tương đương tiền	-	43.149.470.685
	<u>14.065.477.429</u>	<u>51.514.322.793</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với lãi suất là 6%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	11.516.603.727	-
Công ty TNHH SK Engineering & Construction	3.781.866.440	-
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.999.000.170	-
Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	31.000.000	-
Phải thu ban giải phóng mặt bằng Huyện Tĩnh Gia	-	20.000.000
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	-	8.176.795.455
Khác	246.301.271	163.445.606
	<u>19.574.771.608</u>	<u>8.360.241.061</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.310.703.394	1.017.421.570
Công cụ, dụng cụ	971.179.816	330.199.831
Chi phí SXKD dở dang	1.057.125.798	-
	<u>3.339.009.008</u>	<u>1.347.621.401</u>

002
 NH
 TY
 HỮU
 TÊ
 AM
 5C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án nâng cấp cầu cảng	2.105.470.000	-
Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35.164.242	35.164.242
	2.140.634.242	35.164.242

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tên miền website	10.800.000	11.020.250
Công cụ, dụng cụ	2.288.481.885	999.245.374
	2.299.281.885	1.010.265.624

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	750.664.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.797.452	879.657.142
Thuế thu nhập cá nhân	37.296.226	10.109.351
	285.093.678	1.640.431.204

Tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	750.664.711	5.054.150.855	5.804.815.566	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.657.142	247.797.451	879.657.141	247.797.452
Thuế thu nhập cá nhân	10.109.351	161.640.725	134.453.850	37.296.226
Tổng	1.640.431.204	5.463.589.031	6.818.926.557	285.093.678

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	229.216.800	107.645.062
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.906.619.575	24.932.664.857
Các khoản phải trả khác	1.187.867.490	1.790.198.961
	22.323.703.865	26.830.508.880

Khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này Công ty phải chịu lãi suất là 2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	400.000.000.000	1.014.941.379	63.433.889	2.206.903.560	403.285.278.828
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.206.903.560)	(2.206.903.560)
Trích lập quỹ trong năm	-	1.765.522.848	110.345.178	-	1.875.868.026
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.988.971.741	7.988.971.741
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>400.000.000.000</u>	<u>2.780.464.227</u>	<u>173.779.067</u>	<u>7.988.971.741</u>	<u>410.943.215.035</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.667.782.088	17.667.782.088
Trích lập quỹ trong năm	-	6.391.177.394	399.448.587	(7.988.971.742)	(1.198.345.761)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>400.000.000.000</u>	<u>9.171.641.621</u>	<u>573.227.654</u>	<u>17.667.782.087</u>	<u>427.412.651.362</u>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 273/NQ-DKTH-ĐHCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã tiến hành phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2013 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 6.391.177.394 đồng, 399.448.587 đồng và 1.198.345.760 đồng.

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn cổ phần đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	<u>100</u>	<u>400.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng	267.791.025.225	117.238.663.962
Doanh thu cung cấp dịch vụ	236.422.933.212	85.731.237.580
	<u>504.213.958.437</u>	<u>202.969.901.542</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	263.883.572.738	116.120.305.050
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	202.507.090.451	67.310.875.549
	466.390.663.189	183.431.180.599

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	298.446.460.566	123.434.194.908
Chi phí nhân công	56.036.058.617	22.971.079.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.531.792.839	26.179.113.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.187.479.097	21.541.532.991
Chi phí bằng tiền khác	37.263.735.338	3.505.189.376
	487.465.526.457	197.631.110.191

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.915.579.539	8.855.143.007
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	288.500.000	211.726.473
<i>Trừ: Thu nhập được miễn thuế</i>	(17.036.931.980)	(5.548.240.696)
Thu nhập chịu thuế	1.167.147.559	3.518.628.784
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	256.772.463	879.657.196
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2012	(8.975.012)	(13.485.930)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	247.797.451	866.171.266

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phần	17.667.782.088	7.988.971.741
Số bình quân gia quyền của cổ phần	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần	<u><u>442</u></u>	<u><u>200</u></u>

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>3.336.000.000</u>	<u>1.977.727.907</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có phát sinh hợp đồng thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	<u>3.336.000.000</u>	<u>3.336.000.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tiền thuê xe cần cẩu, thuê bánh xích của Công ty TNHH Lexim.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.065.477.429	51.514.322.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.512.590.619	32.269.507.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	610.000.000	-
Tổng cộng	107.188.068.048	83.783.830.026
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.051.826.469	46.722.449.781
Chi phí phải trả	14.920.635.297	688.091.696
Tổng cộng	81.972.461.766	47.410.541.477

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền Đô la Mỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 136.461.489 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 135.760.655 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014

Dưới 1 năm

VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	14.065.477.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.512.590.619
Đầu tư tài chính ngắn hạn	610.000.000
Tổng cộng	<u>107.188.068.048</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	67.051.826.469
Chi phí phải trả	14.920.635.297
Tổng cộng	<u>81.972.461.766</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>25.215.606.282</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

31/12/2013

Dưới 1 năm

VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	51.514.322.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.269.507.233
Tổng cộng	83.783.830.026
Phải trả người bán và phải trả khác	46.722.449.781
Chi phí phải trả	688.091.696
Tổng cộng	47.410.541.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	36.373.288.549

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nờn PVOIL Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	19.378.070.880	-
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.393.606.602	3.196.115.059
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	-	128.520.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	-	-
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Khí Thái Bình	-	7.440.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	101.331.646.589	1.415.424.513
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	761.415.798
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	743.475.617
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Quảng Ngãi	9.222.328.778	-
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	96.618.640	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	1.597.545.184	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	<u>2.388.818</u>	<u>-</u>
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	10.099.819.864	7.012.868.600
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	12.343.800	2.693.250
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	877.812.156	1.977.727.907
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	900.542.543	1.094.044.233
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	88.551.430	29.775.983
	63.624.622	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>282.231.562</u>	<u>-</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền lương và thu nhập khác	<u>2.868.592.241</u>	<u>1.307.144.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	53.372.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.955.099.502	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Quảng Ngãi	5.016.535.656	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>13.347.592.014</u>	<u>767.894.840</u>
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.999.000.170	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>11.516.603.727</u>	<u>-</u>
Phải trả và phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.906.619.575	24.932.664.857
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	602.587.950	396.708.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	63.624.622	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam	-	1.799.999
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	<u>965.593.370</u>	<u>1.977.727.907</u>



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng



Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

